

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-6-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lục Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp.

2. Bà Lưu Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 1, Hội Ngh, thị xã Tân U, tỉnh Bình D. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Triệu Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm Cốc L, xã Nam T, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Nh trình bày:

Bà và ông Triệu Văn B có tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng ngày 27 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm, sau

đó bà đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến năm 2010 bà về nước thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không thể chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Văn B.

Về con chung: Bà Nh và ông B có 01 con chung, mang tên Triệu Quốc Kh, sinh ngày 14/9/2004.

Hiện nay, con chung đang sống cùng bà Nh, bà Nh có ý kiến sau khi ly hôn bà Nh vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh khai vợ chồng không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin trình bày ngày 15/3/2022, bản tự khai ngày 22/3/2022, lời khai bổ sung ngày 15/4/2022 bị đơn ông Triệu Văn B trình bày:

Ông thống nhất về điều kiện kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân và con chung như bà Hoàng Thị Nh trình bày. Ông B cho rằng vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn nên không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của bà Nh.

Nếu ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền, tiến hành lập hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 198, Điều 204 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đúng tư

cách tham gia tố tụng của đương sự nguyên đơn Hoàng Thị Nh, bị đơn Triệu Văn B, xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn. Tiến hành xác minh, thu thập các chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự là vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự, như: Vắng mặt không lý do tại phiên tòa ngày 23/5/2022 và ngày 23/6/2022. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với ông Triệu Văn B và giao con chung là cháu Triệu Quốc Kh cho ông Triệu Văn Bán trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do ông B không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Văn B là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông B đang cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về tố tụng:

Sau khi hoàn thiện Bản tự khai tại Tòa án, ngày 12/4/2022 bà Nh có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải do tình hình dịch bệnh Covid -19 đang diễn biến phức tạp, bà không thể đến tham gia phiên hòa giải tại Tòa án đúng thời gian. Do vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 và ngày 13 tháng 6 năm 2022, bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 23/5/2022 Tòa án mở phiên tòa xét xử ông Triệu Văn B vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông B đã nhận được Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Hoàng Thị Nh và bị đơn ông Triệu Văn B.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu ly hôn của bà Nh: Bà Hoàng Thị Nh và ông Triệu Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện Hòa A nên hôn nhân giữa bà Nh và ông B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau; thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Bà Nh và ông B đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Văn B.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/5/2022, ông Triệu Việt D, Bí thư, Trưởng xóm xóm Cốc L, xã Nam T, huyện Hòa A cho biết: Ông làm Bí thư, Trưởng xóm từ năm 2020 đến nay, việc mâu thuẫn giữa bà Hoàng Thị Nh và ông Triệu Văn B chưa được ông B, bà Nh yêu cầu xóm hòa giải lần nào. Năm 2006, bà Nh đi xuất

khẩu lao động tại Malayxia đến năm 2010 bà Nh trở về địa phương sinh sống được vài tháng, sau đó lại đi làm công nhân, không tiếp tục sinh sống tại xóm Cốc L, xã Nam T. Hai vợ chồng bà Nh, ông B ly thân từ khi bà Nh đi làm công nhân năm 2010 cho đến nay.

Căn cứ lời khai các đương sự và biên bản xác minh nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Nh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Hoàng Thị Nh và ông Triệu Văn B có 01 con chung, mang tên Triệu Quốc Kh, sinh ngày 14/9/2004. Bà Nh và ông B đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và hai bên đương sự đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đáp ứng được quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con chung. Bà Nh và ông B đều có đủ sức khỏe, lao động để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, bà Nh đi làm ăn xa, nơi cư trú không ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy, ông B có nơi cư trú ổn định, nếu giao cháu Triệu Quốc Kh cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cháu sinh sống ổn định và được phát triển bình thường, không ảnh hưởng đến việc học tập của cháu. Mặt khác, cháu Kh có nguyện vọng được sống cùng với bố nên việc giao con chung cho ông B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Hai bên đương sự đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề ra xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà Nh và ông B đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ riêng, tại đơn xin trình bày ngày 15/3/2022, bản tự khai ngày 22/3/2022, ông B yêu cầu bà Nh hoàn trả số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) năm 2006 ông vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng để cho bà Nh đi xuất khẩu lao động do ông đã trả xong khoản vay này năm 2011. Ngày 22/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tổng đạt trực tiếp Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên cho ông B. Tuy nhiên, khi hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 22/3/2022 ông B không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí. Đồng thời, tại lời khai bổ sung ngày 15/4/2022 ông B xác nhận ông không nộp tiền tạm ứng án phí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của ông B là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên không đặt vấn đề ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hoàng Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Nh về việc xin ly hôn với ông Triệu Văn B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Nh được ly hôn ông Triệu Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 100 do Ủy ban nhân dân xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 27/12/2004 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Nh về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Triệu Quốc Kh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2004 đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu Triệu Quốc Kh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2004 cho ông Triệu Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Nh phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003560 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòa An. Xác nhận bà Hoàng Thị Nh đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- UBND xã Nam Tuấn;
- (Số 100 ngày 27/12/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Lục Thị Út

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- UBND xã Dân Chủ;
- (Số 05 ngày 26/02/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lục Thị Út

Xét thấy, anh Lượng đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, tôn trọng, chăm sóc giữa vợ chồng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, chị Sửu và anh Lượng đã sống ly thân từ ngày 24/10/2020 cho đến nay chứng minh hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai.